

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG THÁNG 11 NĂM 2019

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: UBND xã Phú An

2. Mã đơn vị: 1032130

I. Nội dung thanh toán: Thanh toán lương T11/2019

ĐVT: Đồng

Số TT	Họ và tên	Số Tài khoản	Lương và phụ cấp theo lương						Trích đóng quỹ PCTT năm 2019 (01 ngày công)	Tổng số	Ghi chú
			Lương, PC, PC đặc thù QS, truy lĩnh PC đặc thù QS; PC trách nhiệm, truy lĩnh lương, PC thủ quỹ T11/2019	PC nhận và trả kết quả, phụ cấp TBXH, truy lĩnh PC lương, PC thâm niên T11/2019	PC ngoài lương T11/2019 (Trình độ đại học), PC trưởng - phó các ban HĐND	Truy lĩnh PC ngoài lương (trình độ đại học) Tháng 9-10/2019	Văn phòng phẩm khoán T11/2019	Công tác phí khoán T11/2019			
1	2	3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6	5	6	7
Tổng cộng:			219.138.764	3.740.000	39.440.000	14.900.000	600.000	11.800.000	5.288.376	284.330.388	
I	ĐỐI VỚI CB CHUYÊN TRÁCH - CÔNG CHỨC - NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH										
I/I	CB CHUYÊN TRÁCH		69.939.331	400.000	10.630.000	3.576.000	400.000	4.000.000	2.194.909	86.750.422	
1	Nguyễn Ngọc Phương Liên	5503215014149	10.546.965		1.192.000			400.000	269.690	11.869.275	
2	Nguyễn Thị Hà	5503215010597	6.330.414		1.192.000	596.000		400.000	163.653	8.354.761	
3	Lê Văn My	5503215010710	8.452.174		1.094.000	596.000	100.000	400.000	264.787	10.377.387	
4	Võ Thị Kim Phụng	5503215010500	5.273.259		1.192.000	596.000		400.000	163.653	7.297.606	
5	Nguyễn Kim Chi	5503215010551	5.273.259		894.000	596.000		400.000	163.653	6.999.606	
6	Nguyễn Thanh Tuấn	5503215043804	4.207.387					400.000	128.716	4.478.671	
7	Lê Duy Phúc	5503215032764	4.983.975		1.192.000	596.000		400.000	143.426	7.028.549	
8	Nguyễn Văn Tuấn	5503215010580	9.907.531		894.000		100.000	400.000	264.787	11.036.744	
9	Lê Nguyễn Thanh Bình	5503215028150	7.311.504	400.000	894.000		100.000	400.000	224.333	8.881.171	
10	Huỳnh T Xuân Nương	5503215010574	0		894.000	596.000	0	0	204.106	1.285.894	
11	Võ Thị Cẩm Liên	5503215016961	7.652.863		1.192.000		100.000	400.000	204.106	9.140.757	



Số TT	Họ và tên	Số Tài khoản	Lương và phụ cấp theo lương						Trích đóng quỹ PCTT năm 2019 (01 ngày công)	Tổng số	Ghi chú
			Lương, PC, PC đặc thù QS, truy lĩnh PC đặc thù QS; PC trách nhiệm, truy lĩnh lương, PC thủ quỹ T11/2019	PC nhận và trả kết quả, phụ cấp TBXH, truy lĩnh PC lương, PC thâm niên T11/2019	PC ngoài lương T11/2019 (Trình độ đại học), PC trưởng - phó các ban HĐND	Truy lĩnh PC ngoài lương (trình độ đại học) Tháng 9-10/2019	Văn phòng phẩm khoán T11/2019	Công tác phí khoán T11/2019			
1	2	3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6	5	6	7
I/II	CÔNG CHỨC XÃ		70.138.543	3.340.000	14.654.000	4.768.000	200.000	4.300.000	2.296.656	95.103.887	
12	Hướng Công Nhứt	5503215059833	0	0	1.192.000	596.000	100.000	400.000		2.288.000	
13	Đặng Trung Kiệt	5503215010732	7.206.087	0	0		100.000	300.000	150.781	7.455.306	
14	Trần Thanh Danh	5503215010516	5.162.850	400.000	894.000	596.000		300.000	183.880	7.168.970	
15	Trần Ngọc Tài	5503215010653	6.723.103		1.392.000	596.000		300.000	204.106	8.806.997	
16	Nguyễn Thị Hồng Nhung	5503215010624	6.056.850		1.192.000	596.000		300.000	183.880	7.960.970	
17	Nguy Thị Châu Giang	5503215034970	4.594.936		1.490.000	596.000		300.000	163.653	6.817.283	
18	Nguyễn Văn Hòa	5503215010522	6.298.677	500.000	0			300.000	224.333	6.874.344	
19	Trần Thị Đẹp	5503215010489	5.162.850	400.000	1.044.000	596.000		300.000	183.880	7.318.970	
20	Đặng Tiến Đức	5503205048200	5.162.850	0	1.192.000			300.000	183.880	6.470.970	
21	Nguyễn Ngọc Tuyết Vân	5503215036510	4.594.936	400.000	1.192.000	596.000		300.000	163.653	6.919.283	
22	Đặng Thị Ngọc Hạnh	5503215043783	5.390.596	400.000	1.192.000			300.000	163.653	7.118.943	
23	Trần Hải Dương	5507205033274	4.594.936	1.240.000	1.192.000			300.000	163.653	7.163.283	
24	Bùi Võ Việt Hà	5500205630747	4.594.936		1.192.000			300.000	163.653	5.923.283	
25	Lưu Thị Ái Hoa	5503215043494	4.594.936		1.490.000	596.000		300.000	163.653	6.817.283	
I/III	CB KHÔNG CHUYÊN TRÁCH		56.277.300	0	13.112.000	5.960.000	0	2.600.000	796.811	77.152.489	
26	Ngô Hoàng Việt	5503215054478	4.216.700		1.192.000	596.000		200.000	61.293	6.143.407	
27	Nguyễn Tấn Dương	5503215039518	3.769.700		0			200.000	61.293	3.908.407	

Số TT	Họ và tên	Số Tài khoản	Lương và phụ cấp theo lương						Trích đóng quỹ PCTT năm 2019 (01 ngày công)	Tổng số	
			Lương, PC, PC đặc thù QS, truy lĩnh PC đặc thù QS; PC trách nhiệm, PC thủ quỹ T11/2019	PC nhận và trả kết quả, phụ cấp TBXH, truy lĩnh PC lương, PC thâm niên T11/2019	PC ngoài lương T11/2019 (Trình độ đại học), PC trưởng - phó các ban HĐND	Truy lĩnh PC ngoài lương (trình độ đại học) Tháng 9-10/2019	Văn phòng phẩm khoán T11/2019	Công tác phí khoán T11/2019			
1	2	3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6	5	6	7
28	Võ Ngọc Nương	5503215046890	4.216.700	0	1.490.000	596.000		200.000	61.293	6.441.407	
29	Trần Hoài Nhân	5503215050533	4.216.700		1.490.000	596.000		200.000	61.293	6.441.407	
30	Nguyễn Thanh Thảo	5503215050159	4.216.700	0	1.490.000	596.000		200.000	61.293	6.441.407	
31	Phạm Minh Thuận	5503215041106	4.216.700	0	1.490.000	596.000		200.000	61.293	6.441.407	
32	Đoàn Thanh Phước Hậu	5503215054455	4.216.700	0	1.192.000	596.000		200.000	61.293	6.143.407	
33	Hồ Thanh Mai	5503215010545	4.216.700		1.192.000	596.000		200.000	61.293	6.143.407	
34	Nguyễn Văn Đức	5503215032758	4.514.700	0	1.192.000	596.000		200.000	61.293	6.441.407	
35	Hồ Anh Dũng	5503215032741	4.216.700	0	1.192.000	596.000		200.000	61.293	6.143.407	
36	Lê Thành Tính	5503215065400	6.123.900					200.000	61.293	6.262.607	
37	Phan Thị Xuân Viên	5503215030072	3.769.700		0			200.000	61.293	3.908.407	
38	Lê Đặng Minh Trí	5503215041135	4.365.700		1.192.000	596.000		200.000	61.293	6.292.407	
II. ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH 68/2000/NĐ-CP											
III. ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG - CA VIÊN - KHÁC			22.783.590	0	1.044.000	596.000	0	900.000	0	25.323.590	
39	Trần Thị Thu Vân	5503215032729	4.239.050	0						4.239.050	
40	Nguy Thị Châu Liên	5503215032735	3.792.050	0						3.792.050	
41	Phan Văn Hữu Lợi	5503215054461	4.239.050	0						4.239.050	
42	Nguyễn Thái Hiền	5503205038350	0		150.000		0		0	150.000	
43	Lê Mạnh Thương	5503215064203	3.367.400							3.367.400	



Số TT	Họ và tên	Số Tài khoản	Lương và phụ cấp theo lương						Trích đóng quỹ PCTT năm 2019 (01 ngày công)	Tổng số	Ghi chú
			Lương, PC, PC đặc thù QS, truy lĩnh PC đặc thù QS; PC trách nhiệm, truy lĩnh lương, PC thủ quỹ T11/2019	PC nhận và trả kết quả, phụ cấp TBXH, truy lĩnh PC lương, PC thâm niên T11/2019	PC ngoài lương T11/2019 (Trình độ đại học), PC trưởng - phó các ban HĐND	Truy lĩnh PC ngoài lương (trình độ đại học) Tháng 9-10/2019	Văn phòng phẩm khoán T11/2019	Công tác phí khoán T11/2019			
1	2	3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6	5	6	7
44	Phan Thạch Sơn	5503215062208	2.086.000	0						2.086.000	
45	Nguyễn Thị Hương	5503215043777	2.086.000	0						2.086.000	
46	Nguyễn Thị Đào	5503215033823	1.490.000							1.490.000	
47	Trần Văn Thương	5503215059804			894.000	596.000		300.000		1.790.000	
48	Nguyễn Hoàng Phước	5503215059790						200.000		200.000	
49	Trần Anh Thắng	5503215059810						200.000		200.000	
50	Nguyễn Tuấn Anh	5503215059827						200.000		200.000	
51	Văn Quang Sĩ	5503215062923	1.484.040							1.484.040	

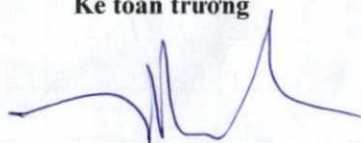
Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm mười bốn triệu không trăm bảy mươi ba ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng

II. PHẦN THAY ĐỔI SO VỚI THÁNG TRƯỚC

- Điều chỉnh tăng phụ cấp trình độ đại học theo Nghị quyết 05/2019/NQ-HĐND tỉnh Bình Dương
- Tăng 02 biên chế: Nguyễn Thanh Tuấn - CT Hội CCB, Lê Thành Tinh - Phó Chi huy Trưởng Ban CHQS
- Giảm lương 01 nhân viên Trung tâm văn hóa: Nguyễn Thái Hiền

Người lập bảng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Phú An, ngày.....tháng.....năm 2019

Chủ trương đơn vị



Lê Nguyễn Thanh Bình